

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 77/2026/DS-ST
Ngày: 09 – 02 – 2026
V/v: “Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Duyên Văn Hiền.

Bà Nguyễn Huỳnh Hường.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3
- Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 559/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2025 về: “Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Hoàng Y, sinh năm 1987.

Số Căn cước công dân: 068187002423, cấp ngày 19/8/2022.

Địa chỉ cư trú: Thửa đất số 243, tờ bản đồ số 15, phường X - Đ, tỉnh L.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Bá P, sinh năm 1987 (Văn bản uỷ quyền ngày 20/9/2024 – có mặt).

Địa chỉ cư trú: Đường Nguyễn C, Khóm 4, phường A, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Số Căn cước công dân: 096166002445, cấp ngày 14/8/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp Sào L, xã C, tỉnh C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Cẩm C, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Số Căn cước công dân: 096195004098, cấp ngày 29/3/2023.

Địa chỉ cư trú: Khóm 3, phường A, tỉnh C.

2. Văn phòng Thừa phát lại Cà M.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt Q – Chức vụ: Trưởng Văn phòng Thừa phát lại Cà M (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 207 Ngô Gia Tự, Khóm 19, Phường T, tỉnh C.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện 29/7/2025 nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Y và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Bá P cùng trình bày: Bà Y là hội viên tham gia nhiều dây hội do bà C (con ruột bà T) làm chủ. Trong thời gian tham gia chơi hội bà Y đã đóng hội đầy đủ. Sau đó, bà C tuyên bố đình hội tại thời điểm đình hội bà C còn nợ bà Y 408.576.000 đồng. Vì vậy, một số hội viên đã tố giác bà C đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C, tỉnh C về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trong quá trình giải quyết, bà T đã nhiều lần liên hệ với bà Y gặp gỡ, năn nỉ rút đơn tố giác và cam kết sẽ trả thay toàn bộ số nợ của bà C. Để thể hiện cam kết có giá trị pháp lý, tại Văn phòng Thừa phát lại C bà Nguyễn Thị Như Y cùng bà Y, bà T, bà C lập vi bằng số 75/2023/VB-TPL kèm theo thỏa thuận cùng ngày 25/10/2023. Trong đó, bà T cam kết bảo lãnh 100% khoản nợ 408.576.000 đồng và sẽ thanh toán cho bà Y bằng hình thức trả nhiều lần hoặc xử lý tài sản để trả nợ. Tuy nhiên, sau khi lập vi bằng bà T không thực hiện nghĩa vụ như cam kết.

Nay yêu cầu bà Tú thực hiện nghĩa vụ thanh toán 408.576.000 đồng theo cam kết đã lập ngày 25/10/2023.

Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Cẩm C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 31/01/2026 Văn phòng Thừa phát lại Cà M trình bày: Xin vắng mặt đến khi kết thúc vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Hoàng Y khởi kiện bà Nguyễn Thị T về tranh chấp hợp đồng bảo lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị T địa chỉ cư trú tại ấp Sào Lưới Tây, xã Cái Đồi Vàm, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau.

Văn phòng Thừa phát lại Cà M yêu cầu xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Cẩm C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Người đại diện theo ủy quyền của bà Y xác định vào ngày 25/10/2023 tại Văn phòng Thừa phát lại Cà M bà Y, bà T, bà C và bà Như Ý đã xác lập Vi bằng số 75/2023/VB-TPL kèm theo thỏa thuận với nội dung: “Bà Nguyễn Thị T ghi nhận tỷ lệ 100% bảo lãnh số tiền 586.567.000 đồng cho con ruột của bà là bà Nguyễn Cẩm C thừa nhận nợ với bà Nguyễn Hoàng Y và bà Nguyễn Như Ý, có sự chứng kiến của bà Nguyễn Cẩm C” và Văn bản thỏa thuận cùng ngày 25/10/2023 nội dung: Bà T nhận tỷ lệ 100% bảo lãnh số tiền 586.567.000 đồng đã nợ, gồm: Bà C nợ

bà Y 408.576.000 đồng và bà C nợ bà Như Ý 178.000.000 đồng và sẽ thanh toán bằng hình thức trả nhiều lần hoặc xử lý tài sản để trả nợ. Tuy nhiên, sau khi lập vi bằng bà T không thực hiện nghĩa vụ như cam kết làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Y. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà T và bà C không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do bà Y cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà T bảo lãnh cho bà C đối với số tiền hui 408.576.000 đồng là thực tế có xảy ra. Sau khi lập Vi bằng nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ nên bà Y khởi kiện là có cơ sở.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Y, buộc bà T trả cho bà Y 408.576.000 đồng là có căn cứ. Trường hợp bị đơn chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Như Ý có quyền khởi kiện bà Tú đối với số tiền bảo lãnh trong vụ án khác nếu phát sinh tranh chấp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Y được Toà án chấp nhận nên bà T phải chịu án phí theo quy định theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 335, 339, 342 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hoàng Y.

Buộc bà Nguyễn Thị T thanh toán cho bà Nguyễn Hoàng Y số tiền 408.576.000 đồng (Bốn trăm lẻ tám triệu, năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu 20.343.000 đồng (làm tròn số).

- Bà Nguyễn Hoàng Y đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 10.170.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004925 ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, bà Yến được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như